

**PHỤ LỤC IV**  
**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH**  
**VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

**CÔNG TY TNHH NN MTV**  
**LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG**  
MST 3300100201

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../KH-CTLNTP

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 3 năm 2021

(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2021 đã được Chủ tịch Công ty phê duyệt tại Quyết định số 14/QĐ-CTLNTP ngày 09 tháng 01 năm 2021)

**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

**1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2020**

- Doanh thu:	35,587 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	10,931 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	10,041 tỷ đồng

**2. Các chỉ tiêu tài chính năm 2020:**

- Tổng tài sản:	62,585 tỷ đồng
- Vốn điều lệ:	31,813 tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu:	44,503 tỷ đồng

**3. Kết quả đầu tư phát triển năm 2020:**

Hoạt động	DVT	Khối lượng	Chi phí (tỷ đồng)
1. Trồng rừng	ha	253,9	2,869,177
2. Chăm sóc rừng trồng	ha	707,6	1,878,429
3. Cơ sở vật chất và đầu tư khác	đồng		4,949,394
<b>Tổng cộng:</b>			<b>9,697,000</b>

## II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

### 1. Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính:

Hoạt động	ĐVT	KH thực hiện
1. Khai thác gỗ rừng trồng kinh tế	ha	220,0
2. Trồng rừng	ha	225,0
3. Chăm sóc rừng trồng kinh tế	ha	725,0
* Cây keo nuôi cấy mô	ha	660,0
* Các loài cây bản địa, thông caribe	ha	60,0
* Cây trầm gió	ha	5,0
4. Sản xuất kinh doanh cây giống lâm nghiệp	Tr.cây	8,4
4.1. Cây Keo lai mô	Tr.cây	1,4
4.2. Cây mầm Keo lai mô	Tr.cây	4,0
4.3. Cây Keo lai hom	Tr.cây	3,0
5. Hoạt động khác (SXKD cây hoa, cây dược liệu, cây nông nghiệp, hoạt động công ích, dịch vụ giống, KHKT...)		
6. QL BVR	ha	4.799,6

### 2. Kế hoạch vốn:

#### 2.1. Kế hoạch doanh thu từ hoạt động SXKD:

Hoạt động	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Doanh thu (tr.đồng)
1. Khai thác gỗ rừng trồng	tấn	23.052	1.050.000	24.205,0
2. Sản xuất kinh doanh cây giống lâm nghiệp				11.570,0
2.1. Keo lai hom	Tr.cây	3,0	1.150	3.450,0
2.2. Keo lai mô	Tr.cây	1,4	2.800	3.920,0
2.3. Cây mầm Keo lai mô	Tr.cây	4,0	1.050	4.200,0
3. Hoạt động khác (SXKD cây hoa, cây dược liệu, cây nông nghiệp, hoạt động công ích, dịch vụ giống, KHKT...)	Tr.đồng			1.500,0
<b>Tổng cộng:</b>				<b>37.275,0</b>

**2.2. Kế hoạch chi phí cho hoạt động SXKD:**

Hoạt động	DVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Chi phí (Tr.đồng)
1. Khai thác rừng trồng				13.757,0
2. Sản xuất kinh doanh cây giống lâm nghiệp				11.080,0
2.1. Keo lai hom	Tr.cây	3,0	1.100	3.300,0
2.2. Keo lai mô	Tr.cây	1,4	2.700	3.780,0
2.3. Cây mầm Keo lai mô	Tr.cây	4,0	1.000	4.000,0
3. Hoạt động khác (SXKD cây hoa, cây dược liệu, cây nông nghiệp, hoạt động công ích, dịch vụ giống, KHKT...)				1.350,0
<b>Tổng cộng:</b>				<b>26.187,00</b>

**3. Lợi nhuận dự kiến từ hoạt động SXKD:**

Hoạt động	DVT	Lợi nhuận trước thuế
1. Khai thác rừng trồng kinh tế	Tr.đồng	10.448,0
2. Sản xuất kinh doanh cây giống lâm nghiệp	Tr.đồng	490,0
3. Hoạt động khác (SXKD cây hoa, cây dược liệu, cây nông nghiệp, hoạt động công ích, dịch vụ giống, KHKT...)	Tr.đồng	150,0
<b>Tổng cộng:</b>		<b>11.088,00</b>

**4. Kế hoạch đầu tư:**

Hoạt động	DVT	Khối lượng	Đơn giá (tr.đồng)	Vốn đầu tư (tr.đồng)
1. Trồng rừng	ha	225,0		4.767,5
1.1. Rừng trồng gỗ lớn	ha	200,0	14,74	2.948,0
1.2. Các cây bản địa, thông caribaea	ha	20,0	18,61	372,2
1.3. Cây Tràm gió	ha	5,0	69,42	347,1



1.4. Chi phí khác (quản lý...)			30%TCP	1.100,2
2. Chăm sóc rừng trồng	ha	725,0		6.010,9
2.1. Cây keo lai nuôi cấy mô	ha	660,0	6,3183	4.170,1
2.2. Các cây bản địa, thông caribaea	ha	60,0	5,9834	359,0
2.3. Cây Tràm gió	ha	5,0	18,93	94,7
2.4. Chi phí khác (quản lý...)				1.387,1
3. Mở rộng cơ sở sản xuất công nghệ cao	Tr.đồng			2.135,0
3.1. Cơ sở nuôi cấy mô	Tr.đồng			500,0
3.2. Vườn ươm cây ăn quả, cây công trình đô thị	Tr.đồng			1.385,0
3.3. Nhà lưới SX hoa lan, hoa khác	Tr.đồng			250,0
4. Hoạt động khác (CSHTKT, đánh giá CCR, BVR PH, Đ.D...)	Tr.đồng			1.980,0
<b>Tổng cộng:</b>				<b>14.893,4</b>

### III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

#### 1. Giải pháp về tài chính

- Tập trung vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra sản phẩm chính: rừng trồng gỗ lớn, vườn ươm, giống ...

- Tiết kiệm chi phí, tính toán hiệu quả của từng công việc, dự án để điều chỉnh kịp thời việc đầu tư kinh doanh, đảm bảo hiệu quả tốt nhất.

#### 2. Giải pháp về sản xuất

- Nắm bắt, tìm hiểu thị trường, tiếp thị sản phẩm nhằm có kế hoạch đẩy mạnh và phát triển các hoạt động cũng như phạm vi, lĩnh vực SXKD của đơn vị.

- Tiết kiệm chi phí để giảm giá thành sản phẩm.

#### 3. Giải pháp về thị trường

- Đa dạng hóa phương thức kinh doanh (bán sỉ, bán lẻ, hợp tác, liên kết...)

- Xây dựng chiến lược giá phù hợp và sức cạnh tranh hơn.

#### 4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Huy động tối đa mọi nguồn lực của đơn vị, thu hút lao động địa phương, phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

- Tiếp tục sắp xếp tổ chức lại lao động, khắc phục tình trạng làm việc kém hiệu quả trong một số bộ phận CNVC-LĐ, đổi mới tư duy làm việc, phát huy tính năng động, sáng tạo của mọi người trong hoạt động. Phân công, phân nhiệm cụ thể cho từng CBCNV-LĐ.

#### 5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Áp dụng các tiến bộ khoa học vào công tác sản xuất giống, tạo ra nguồn giống có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu trồng rừng chất lượng cao của Công ty và thị trường.

chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu trồng rừng chất lượng cao của Công ty và thị trường.

- Cập nhật, bổ sung, vận hành nghiêm túc quy trình quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn “quản lý rừng bền vững quốc tế FSC”.

#### 6. Giải pháp về quản lý và điều hành

- Xây dựng và phát huy tốt vai trò lãnh chỉ đạo của chi bộ đảng, của tổ chức công đoàn trong việc quản lý, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của đơn vị.

- Phát động phong trào thi đua trong toàn đơn vị nhằm động viên, khích lệ CBCNV-LĐ hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch SXKD năm 2021 của công ty.

#### Nơi nhận:

- UBND tỉnh TT Huế (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử Bộ KH & ĐT;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh TT Huế;
- Lưu VT.



*Tôn Thất Ái Tín*